TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 09/2025/DS-GĐT
Ngày 19/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du.

Các Thẩm phán: - Bà Lương Ngọc Trâm;

- Bà Đào Thị Minh Thủy;

- Ông Nguyễn Hồng Nam;

- Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chí Thị Nhung, Thư ký viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Bổng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Tấn D, sinh năm 1964; cư trú tại: Nhà số 104 Nguyễn Huệ, Phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:*

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1960;

2. Anh Đinh Duy Quốc T1, sinh năm 1985; cư trú tại: Nhà số 7B/47 Xa lộ Hà Nội, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Nguyễn Thanh M; cư trú tại: Nhà số 15A/1 Lê Thánh Tôn, phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 004800/GUQ ngày 09/4/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh Long - Văn phòng Luật sư Long Cường, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: Nhà số 15A/1 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Đinh Dương Huyền T2, sinh năm 1978; cư trú tại: Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đinh Duy H (chết ngày 18/4/2017).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1960; cư trú tại: Nhà số 355 Trường Chinh, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

2. Anh Đinh Duy Quốc T3, sinh năm 1981;

3. Anh Đinh Duy Quốc T1, sinh năm 1985;

Cùng cư trú tại: Nhà số 7B/47 Xa lộ Hà Nội, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T3, anh T1: Bà Dương Thị T, sinh năm 1960; cư trú tại: Nhà số 355 Trường Chinh, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2019).

4. Chị Đinh Dương Huyền T2, sinh năm 1978; cư trú tại: Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể).

5. Chị Đinh Dương Bảo T4, sinh năm 1982; nơi cư trú: Không rõ địa chỉ.

6. Bà Dương Thị Thu P, sinh năm 1969; cư trú tại: Nhà số 104 Nguyễn Huệ, Phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/01/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Võ Tấn D trình bày:

Theo 04 "Hợp đồng vay tiền" cùng ngày 05/9/2014, ông có cho vợ chồng ông Đinh Duy H, bà Dương Thị T vay tiền nhiều lần, tổng số tiền vay là 2.810.000.000 đồng, cụ thể:

- Tại "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/9/2014, ông H vay 1.136.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, lãi suất 3%/tháng, tương ứng với số tiền lãi ông H phải trả là 40.800.000 đồng/tháng; hạn trả nợ gốc ngày 05/3/2015.

- Tại "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/9/2014, ông H vay 600.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, lãi suất 3%/tháng, tương ứng với số tiền lãi ông H phải trả là 18.000.000 đồng/tháng; hạn trả nợ gốc ngày 05/3/2015.

- Tại "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/9/2014, ông H vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, lãi suất 2,5%/tháng, tương ứng với số tiền lãi ông H phải trả là 17.500.000 đồng/tháng; hạn trả nợ gốc ngày 05/3/2015.

- Tại "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/9/2014, ông H vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, lãi suất 4%/tháng, tương ứng với số tiền lãi ông H phải trả là 6.000.000 đồng/tháng; hạn trả nợ là 05/3/2015.

Ngoài ra, cùng ngày 05/9/2014 ông có cho ông H, bà T vay số tiền 2.112.500.000 đồng, ông H, bà T có viết "Giấy nhận nợ" hứa trả dần và đến ngày 05/3/2015 sẽ trả hết nợ.

Ngày 18/4/2017 ông H chết, ông yêu cầu bà T cùng các con của bà T là chị Đinh Dương Huyền T2 và anh Đinh Duy Quốc T1 trả nợ cho ông 02 khoản tiền gốc là 2.810.000.000 đồng và 2.112.500.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 05/9/2014 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T1 và chị Đinh Dương Huyền T2 trình bày:

Từ ngày 05/01/2011 đến ngày 04/9/2014, vợ chồng bà (chồng là ông Đinh Duy H) có vay tiền nhiều lần của ông Võ Tấn D, tổng số tiền vay là 2.810.000.000 đồng và chưa trả được nợ. Ngày 05/9/2014, hai bên ký lại 04 hợp đồng vay tiền với ông D đối với số tiền vay nêu trên là 2.810.000.000 đồng, lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà và gia đình bà đồng ý trả số tiền nợ gốc nêu trên cho ông D. Sau khi ông H chết, ngày 29/4/2017 ông D yêu cầu bà và các con của bà ký giấy cam kết trả nợ gốc và trả nợ lãi đối với số tiền nợ nêu trên. Về Giấy nhận nợ ngày 05/9/2014 đối với số tiền 2.112.500.000 đồng thực tế là một phần của số tiền lãi mà ông bà chưa trả, ông D đã nhập vào khoản tiền nợ gốc 2.810.000.000 đồng và ngày 05/9/2014 hai bên lập giấy vay nợ xác định ông bà còn nợ ông D số tiền 2.810.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ ông D tính lãi suất không đúng pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Bà Dương Thị Thu P (vợ của ông D) trình bày:* Nhất trí như ông D trình bày.

- *Anh Đinh Duy Quốc T3 và chị Đinh Dương Bảo T2* (các con của ông H, bà T) cư trú tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

[1] Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Tấn D theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2020.

[2] Buộc vợ chồng bà Dương Thị T, ông Đinh Duy H (chết, có vợ là bà Dương Thị T và các con Đinh Duy Quốc T1, Đinh Dương Huyền T2, Đinh Duy Quốc T3, Đinh Dương Bảo T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Tấn D số tiền 7.673.700.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 4.922.500.000 đồng, lãi là 2.751.200.000 đồng; về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07/01/2019; Quyết định sửa chữa bổ sung Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với ngôi nhà và đất mang số 355 đường T, Phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên

về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm tiền gửi 100.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố T để đảm bảo công tác thi hành án.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/4/2022, bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2023/DS-PT ngày 05/01/2023, TAND cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: *Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.*

Ngày 28/02/2023 và ngày 25/9/2023, bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T1 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 104/2024/KN-DS ngày 21/10/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo 04 "Hợp đồng vay tiền" ngày 05/9/2014 thì ông Võ Tấn D cho vợ chồng ông Đinh Duy H và bà Dương Thị T vay số tiền là 2.810.000.000 đồng, lãi suất từ 2,5%/tháng đến 4%/tháng và trả vào ngày 05 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc là ngày 05/3/2015. Ngoài ra, theo "Giấy nhận nợ" ngày 05/9/2014 thể hiện ông H, bà T vay của ông D số tiền là 2.112.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn đến ngày 05/3/2015 trả hết nợ. Ngày 18/4/2017, ông H chết, ông D khởi kiện yêu cầu bà T, anh Đinh Duy Quốc T1, chị Đinh Dương Huyền T2 (là vợ, con của ông H) trả 02 khoản nợ nêu trên.

[2] Bà T, anh T1 và chị T2 thừa nhận có vay của ông D số tiền 2.810.000.000 đồng, nhưng theo các Hợp đồng vay vốn từ ngày 05/01/2011, lãi suất đã trả cho ông D từ 2,5%/tháng đến 3%/tháng, tùy từng hợp đồng vay. Tại các Văn bản Tờ 1, Tờ 2, Tờ 3 và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện từ ngày 05/01/2011 đến ngày 05/9/2014 ông H, bà T đã trả cho ông D được 1.591.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi bà T và ông H còn nợ là 2.112.500.000 đồng. Đến ngày 05/9/2014, ông H, bà T chưa trả được số tiền gốc là 2.810.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ là 2.112.500.000 đồng nên hai bên xác lập lại các "Hợp đồng vay tiền" và "Giấy vay nợ" cùng ngày 05/9/2014 đối với khoản nợ gốc là 2.810.000.000 đồng và số tiền nợ lãi chưa trả là 2.112.500.000 đồng. Tại "Biên bản hòa giải ngày

04/4/2019" và "Đơn trình bày khởi kiện bổ sung" ngày 25/5/2020 ông D thừa nhận số tiền 2.112.500.000 đồng là tiền lãi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định số tiền 2.112.500.000 đồng là tiền gốc mà ông H, bà T vay của ông D là không đúng.

[3] Đối với số tiền vay 2.810.000.000 đồng của các Hợp đồng vay vốn từ ngày 05/01/2011 đến ngày 05/9/2014 ông D tính lãi suất 2,5%/tháng và 3%/tháng là tính lãi không đúng theo quy định của pháp luật. Khi giải quyết vụ án, Tòa án không xem xét tính lại lãi suất từ ngày 05/01/2011 đến ngày 05/9/2014 theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là không đảm bảo quyền lợi của bị đơn, cần phải tính lại lãi suất của các Hợp đồng vay tiền từ ngày 05/01/2011 đến ngày 09/5/2014 và từ ngày 09/5/2014 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất của từng thời điểm theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[4] Mặt khác, quá trình thực hiện 04 Hợp đồng vay tiền ngày 09/5/2014 thì tại "Giấy nhận tiền" ngày 09/5/2017, "Giấy nhận tiền" ngày 13/02/2018 và các Bản sao kê tài khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) do bà T xuất trình thể hiện bà T và các con của bà T đã trả cho ông D số tiền 205.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của ông D để xác định bà T và các con của bà T mới trả cho ông D số tiền 115.000.000 đồng là không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, theo nội dung của các Hợp đồng vay tiền ngày 05/9/2014 thì hai bên không thỏa thuận lãi suất nợ quá hạn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm áp dụng tính lãi suất nợ quá hạn để buộc bị đơn phải trả lãi suất nợ quá hạn là không đúng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện dẫn đến giải quyết vụ án không đảm bảo quyền lợi của bị đơn là bà T, anh T1 và chị T2.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 104/2024/KN-DS ngày 21/10/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2023/DS-PT ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn là ông Võ Tấn D với bị đơn là bà Dương Thị T, anh Đinh Duy Quốc T1, chị Đinh Dương Huyền T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân tỉnh Phú Yên giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đ/c Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC - Vụ 9;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên (kèm theo hồ sơ vụ án);
- Vụ Pháp chế và QLKH - TANDTC;
- Trung tâm Tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, TP, Vụ GĐKTII, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Du